

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 4 năm 2018

**GIẢI TRÌNH KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT
QUÝ II VÀ LŨY KẾ 6 THÁNG ĐẦU NIÊN ĐỘ TÀI CHÍNH 2017-2018**

**Kính gửi : Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen trân trọng báo cáo và giải trình kết quả kinh doanh hợp nhất Quý II NĐTC 2017-2018 và lũy kế 6 tháng đầu NĐTC 2017-2018 như sau:

1. Giải trình kết quả kinh doanh hợp nhất Quý II NĐTC 2017-2018

Đơn vị tính: đồng

STT	CHỈ TIÊU	Quý II NĐTC 2017-2018 (từ 01/01/2018 đến 31/3/2018)	Quý II NĐTC 2016-2017 (từ 01/01/2017 đến 31/3/2017)	Chênh lệch	
				Tuyệt đối	Tương đối
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)-(4)	(6)=(5)/(4)
1	Doanh thu thuần	7.663.188.472.658	6.212.980.418.916	1.450.208.053.742	23,3%
2	Giá vốn hàng bán	6.625.135.572.379	5.056.876.433.566	1.568.259.138.813	31,0%
3	Lợi nhuận gộp	1.038.052.900.279	1.156.103.985.350	(118.051.085.071)	-10,2%
4	Doanh thu tài chính	14.022.823.535	18.891.827.189	(4.869.003.654)	-25,8%
5	Chi phí tài chính	252.877.571.546	189.457.253.992	63.420.317.554	33,5%
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>216.039.480.544</i>	<i>127.739.903.427</i>	<i>88.299.577.117</i>	<i>69,1%</i>
6	Chi phí bán hàng	434.929.067.474	322.062.392.600	112.866.674.874	35,0%
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	248.703.689.971	131.836.484.442	116.867.205.529	88,6%
8	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	115.565.394.823	531.639.681.505	(416.074.286.682)	-78,3%
9	Thu nhập khác	657.432.367	10.766.574.890	(10.109.142.523)	-93,9%
10	Chi phí khác	173.901.751	634.503.316	(460.601.565)	-72,6%
11	Lợi nhuận khác	483.530.616	10.132.071.574	(9.648.540.958)	-95,2%
12	Lợi nhuận trước thuế	116.048.925.439	541.771.753.079	(425.722.827.640)	-78,6%
13	Thuế TNDN hiện hành	26.632.875.295	92.650.958.222	(66.018.082.927)	-71,3%
14	Thuế TNDN hoãn lại	2.728.601.663	34.105.368.078	(31.376.766.415)	-92,0%
15	Lợi nhuận sau thuế	86.687.448.481	415.015.426.779	(328.327.978.298)	-79,1%

Trong Quý II NĐTC 2017-2018, lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 86,7 tỷ đồng, giảm 328,3 tỷ đồng so với cùng kỳ NĐTC 2016-2017. Các nguyên nhân chủ yếu là:

- Doanh thu thuần tăng 1.450,2 tỷ đồng trong khi giá vốn hàng bán tăng 1.568,2 tỷ đồng dẫn đến lợi nhuận gộp giảm 118,0 tỷ đồng (từ 1.156,1 tỷ đồng xuống 1.038,1 tỷ đồng).
- Chi phí tài chính tăng 63,4 tỷ đồng (từ 189,5 tỷ đồng lên 252,9 tỷ đồng), trong đó chi phí lãi vay tăng 88,3 tỷ đồng (từ 127,7 tỷ đồng lên 216,0 tỷ đồng).
- Chi phí bán hàng tăng 112,9 tỷ đồng (từ 322,0 tỷ đồng lên 434,9 tỷ đồng).
- Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 116,9 tỷ đồng (từ 131,8 tỷ đồng lên 248,7 tỷ đồng).

2. Giải trình kết quả kinh doanh hợp nhất lũy kế 6 tháng đầu NĐTC 2017-2018

Đơn vị tính: đồng

STT	CHỈ TIÊU	Lũy kế 6 tháng đầu NĐTC 2017-2018 (từ 01/10/2017 đến 31/3/2018)	Lũy kế 6 tháng đầu NĐTC 2016-2017 (từ 01/10/2016 đến 31/3/2017)	Chênh lệch	
				Tuyệt đối	Tương đối
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)-(4)	(6)=(5)/(4)
1	Doanh thu thuần	15.549.768.254.892	11.979.528.570.781	3.570.239.684.111	29,8%
2	Giá vốn hàng bán	13.330.518.236.221	9.776.047.018.207	3.554.471.218.014	36,4%
3	Lợi nhuận gộp	2.219.250.018.671	2.203.481.552.574	15.768.466.097	0,7%
4	Doanh thu tài chính	27.422.427.308	31.352.129.122	(3.929.701.814)	-12,5%
5	Chi phí tài chính	439.061.977.580	276.555.439.488	162.506.538.092	58,8%
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>387.126.084.484</i>	<i>193.855.852.810</i>	<i>193.270.231.674</i>	<i>99,7%</i>
6	Chi phí bán hàng	855.635.308.100	642.563.300.681	213.072.007.419	33,2%
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	458.559.667.539	323.318.417.202	135.241.250.337	41,8%
8	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	493.415.492.760	992.396.524.325	(498.981.031.565)	-50,3%
9	Thu nhập khác	25.725.692.618	62.021.735.829	(36.296.043.211)	-58,5%
10	Chi phí khác	1.346.262.644	890.451.967	455.810.677	51,2%
11	Lợi nhuận khác	24.379.429.974	61.131.283.862	(36.751.853.888)	-60,1%
12	Lợi nhuận trước thuế	517.794.922.734	1.053.527.808.187	(535.732.885.453)	-50,9%
13	Thuế TNDN hiện hành	94.986.741.312	163.709.598.747	(68.722.857.435)	-42,0%
14	Thuế TNDN hoãn lại	2.728.601.663	34.080.275.191	(31.351.673.528)	-92,0%
15	Lợi nhuận sau thuế	420.079.579.759	855.737.934.249	(435.658.354.490)	-50,9%

Trong 6 tháng đầu NĐTC 2017-2018, lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 420,1 tỷ đồng, giảm 435,6 tỷ đồng so với cùng kỳ NĐTC 2016-2017. Các nguyên nhân chủ yếu là:

- Doanh thu thuần tăng 3.570,2 tỷ đồng trong khi giá vốn hàng bán tăng 3.554,4 tỷ đồng dẫn đến lợi nhuận gộp tăng 15,8 tỷ đồng (từ 2.203,5 tỷ đồng lên 2.219,3 tỷ đồng).
- Chi phí tài chính tăng 162,5 tỷ đồng (từ 276,6 tỷ đồng lên 439,1 tỷ đồng), trong đó chi phí lãi vay tăng 193,3 tỷ đồng (từ 193,8 tỷ đồng lên 387,1 tỷ đồng).
- Chi phí bán hàng tăng 213,1 tỷ đồng (từ 642,5 tỷ đồng lên 855,6 tỷ đồng).
- Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 135,2 tỷ đồng (từ 323,3 tỷ đồng lên 458,5 tỷ đồng).

Trân trọng cảm ơn và kính chào./.

TỔNG GIÁM ĐỐC


TRẦN QUỐC TRÍ



Nơi nhận:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán
Thành phố Hồ Chí Minh
- Lưu văn thư

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 4 năm 2018

GIẢI TRÌNH KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA RIÊNG CÔNG TY MẸ QUÝ II VÀ LŨY KẾ 6 THÁNG ĐẦU NIÊN ĐỘ TÀI CHÍNH 2017-2018

**Kính gửi : Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen trân trọng báo cáo và giải trình kết quả kinh doanh của riêng Công ty Mẹ trong Quý II NĐTC 2017-2018 và lũy kế 6 tháng đầu NĐTC 2017-2018 như sau:

1. Giải trình kết quả kinh doanh của riêng Công ty Mẹ trong Quý II NĐTC 2017-2018

Đơn vị tính: đồng

STT	CHỈ TIÊU	Quý II NĐTC 2017-2018 (từ 01/01/2018 đến 31/3/2018)	Quý II NĐTC 2016-2017 (từ 01/01/2017 đến 31/3/2017)	Chênh lệch	
				Tuyệt đối	Tương đối
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)-(4)	(6)=(5)/(4)
1	Doanh thu thuần	13.816.384.627.015	11.507.438.004.640	2.308.946.622.375	20,1%
2	Giá vốn hàng bán	13.065.037.340.594	10.578.690.710.975	2.486.346.629.619	23,5%
3	Lợi nhuận gộp	751.347.286.421	928.747.293.665	(177.400.007.244)	-19,1%
4	Doanh thu tài chính	15.563.075.753	18.778.546.011	(3.215.470.258)	-17,1%
5	Chi phí tài chính	154.884.624.436	154.305.177.386	579.447.050	0,4%
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>125.929.524.051</i>	<i>94.661.968.601</i>	<i>31.267.555.450</i>	<i>33,0%</i>
6	Chi phí bán hàng	339.076.560.291	254.108.933.258	84.967.627.033	33,4%
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	186.747.112.227	107.161.330.561	79.585.781.666	74,3%
8	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	86.202.065.220	431.950.398.471	(345.748.333.251)	-80,0%
9	Thu nhập khác	3.377.336.013	9.987.482.567	(6.610.146.554)	-66,2%
10	Chi phí khác	161.287.081	374.208.417	(212.921.336)	-56,9%
11	Lợi nhuận khác	3.216.048.932	9.613.274.150	(6.397.225.218)	-66,5%
12	Lợi nhuận trước thuế	89.418.114.152	441.563.672.621	(352.145.558.469)	-79,7%
13	Thuế TNDN hiện hành	17.938.945.592	74.453.600.073	(56.514.654.481)	-75,9%
14	Thuế TNDN hoãn lại	2.603.947.452	35.073.782.976	(32.469.835.524)	-92,6%
15	Lợi nhuận sau thuế	68.875.221.108	332.036.289.572	(263.161.068.464)	-79,3%

Trong Quý II NĐTC 2017-2018, lợi nhuận sau thuế của riêng Công ty Mẹ đạt 68,9 tỷ đồng, giảm 263,1 tỷ đồng so với cùng kỳ NĐTC 2016-2017. Các nguyên nhân chủ yếu là:

- Doanh thu thuần tăng 2.308,9 tỷ đồng trong khi giá vốn hàng bán tăng 2.486,3 tỷ đồng dẫn đến lợi nhuận gộp giảm 177,4 tỷ đồng (từ 928,7 tỷ đồng xuống 751,3 tỷ đồng).
- Chi phí tài chính tăng 0,6 tỷ đồng (từ 154,3 tỷ đồng lên 154,9 tỷ đồng), trong đó chi phí lãi vay tăng 31,2 tỷ đồng (từ 94,7 tỷ đồng lên 125,9 tỷ đồng).
- Chi phí bán hàng tăng 85,0 tỷ đồng (từ 254,1 tỷ đồng lên 339,1 tỷ đồng).
- Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 79,6 tỷ đồng (từ 107,1 tỷ đồng lên 186,7 tỷ đồng).

2. Giải trình kết quả kinh doanh của riêng Công ty Mẹ trong 6 tháng đầu NĐTC 2017-2018

Đơn vị tính: đồng

STT	CHỈ TIÊU	Lũy kế 6 tháng đầu NĐTC 2017-2018 (từ 01/10/2017 đến 31/3/2018)	Lũy kế 6 tháng đầu NĐTC 2016-2017 (từ 01/10/2016 đến 31/3/2017)	Chênh lệch	
				Tuyệt đối	Tương đối
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)-(4)	(6)=(5)/(4)
1	Doanh thu thuần	29.245.028.095.515	21.947.787.581.121	7.297.240.514.394	33,2%
2	Giá vốn hàng bán	27.675.521.349.444	20.284.139.904.211	7.391.381.445.233	36,4%
3	Lợi nhuận gộp	1.569.506.746.071	1.663.647.676.910	(94.140.930.839)	-5,7%
4	Doanh thu tài chính	30.505.391.709	30.863.725.117	(358.333.408)	-1,2%
5	Chi phí tài chính	271.117.086.045	215.872.117.027	55.244.969.018	25,6%
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>228.290.720.096</i>	<i>136.838.829.918</i>	<i>91.451.890.178</i>	<i>66,8%</i>
6	Chi phí bán hàng	688.050.810.054	522.938.269.203	165.112.540.851	31,6%
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	351.845.648.505	264.492.162.551	87.353.485.954	33,0%
8	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	288.998.593.176	691.208.853.246	(402.210.260.070)	-58,2%
9	Thu nhập khác	25.521.765.533	59.065.916.454	(33.544.150.921)	-56,8%
10	Chi phí khác	763.141.801	638.879.439	124.262.362	19,5%
11	Lợi nhuận khác	24.758.623.732	58.427.037.015	(33.668.413.283)	-57,6%
12	Lợi nhuận trước thuế	313.757.216.908	749.635.890.261	(435.878.673.353)	-58,1%
13	Thuế TNDN hiện hành	62.908.813.933	126.361.580.574	(63.452.766.641)	-50,2%
14	Thuế TNDN hoãn lại	2.603.947.452	35.502.501.304	(32.898.553.852)	-92,7%
15	Lợi nhuận sau thuế	248.244.455.523	587.771.808.383	(339.527.352.860)	-57,8%

Trong 6 tháng đầu NDTC 2017-2018, lợi nhuận sau thuế của riêng Công ty Mẹ đạt 248,2 tỷ đồng, giảm 339,5 tỷ đồng so với cùng kỳ NDTC 2016-2017. Các nguyên nhân chủ yếu là:

- Doanh thu thuần tăng 7.297,2 tỷ đồng trong khi giá vốn hàng bán tăng 7.391,3 tỷ đồng dẫn đến lợi nhuận gộp giảm 94,1 tỷ đồng (từ 1.663,6 tỷ đồng xuống 1.569,5 tỷ đồng).
- Chi phí tài chính tăng 55,2 tỷ đồng (từ 215,9 tỷ đồng lên 271,1 tỷ đồng), trong đó chi phí lãi vay tăng 91,5 tỷ đồng (từ 136,8 tỷ đồng lên 228,3 tỷ đồng).
- Chi phí bán hàng tăng 165,1 tỷ đồng (từ 522,9 tỷ đồng lên 688,0 tỷ đồng).
- Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 87,3 tỷ đồng (từ 264,5 tỷ đồng lên 351,8 tỷ đồng).

Trân trọng cảm ơn và kính chào./.

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN QUỐC TRÍ



Nơi nhận:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán
Thành phố Hồ Chí Minh
- Lưu văn thư